

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133 /2023/HS-ST**
Ngày 19-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2023/HSST ngày 25/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HS ngày 28/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị Bé H**; Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nữ; Sinh năm 1981 tại Đồng Nai;

Hộ khẩu thường trú: **ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Nơi cư trú hiện nay: **ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 0/12.

Con ông: **Võ Hoàng M**, sinh năm 1954 và bà **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1955.

Chồng: **Huỳnh Văn Minh P**, sinh năm 1988.

Con: 02 người con, sinh năm 1999 và 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

(Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Duy T1**, sinh năm: 2002 (vắng).
Địa chỉ: **ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 23/12/2022, con gái ruột của **Võ Thị Bé H** là **Nguyễn Thị Ngọc T2** cùng người bạn tên **Nguyễn Thị Duy T1** cùng về phòng trọ của **H** chơi và ngủ lại qua đêm tại đây. Lúc này, chị **T1** để một túi xách màu đen bên trong chứa 19 vòng ximen bằng vàng, 01 lắc đeo chân bằng vàng, 01 nhẫn bạch kim, 01 nhẫn vàng trên bàn gỗ gần vị trí nằm ngủ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 24/12/2022, **H** ngủ dậy thấy túi xách màu đen của chị **T1** nên **H** đã nảy sinh ý định trộm cắp túi xách trên. Để thực hiện ý định, **H** quan sát xung quanh thấy **T2** và chị **T1** vẫn đang nằm ngủ nên **H** đã trộm cắp túi xách của chị **T1**. Sau đó, **H** mở túi xách ra kiểm tra bên trong thì thấy bên trong túi xách có chứa 19 vòng ximen bằng vàng, 01 lắc đeo chân bằng vàng, 01 nhẫn bạch kim, 01 nhẫn vàng nên **H** đã đem túi xách và toàn bộ tài sản bên trong cất giấu vào trong cốp xe mô tô biển số 60H5- 187.77 của **H**. Sau đó, **H** đã đem túi xách và tài sản trộm cắp đến gửi anh **Nguyễn Ngọc S** (anh **S** là chồng cũ của **H** đã ly hôn năm 2015) để nhờ anh **S** giữ hộ, anh **S** đã đồng ý và không kiểm tra tài sản bên trong và đã giữ hộ tài sản cho **H**. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, chị **Nguyễn Thị Duy T1** đã trình báo sự việc đến **Công an xã X**. Khi **H** biết **T1** đã đến Cơ quan Công an để trình báo, lo sợ hành vi phạm tội bị phát hiện nên **H** đã đến Cơ quan **Công an xã X** tự thú khai báo hành vi phạm tội và giao nộp lại toàn bộ tài sản đã trộm cắp của chị **T1**.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐG ngày 23/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc **Ủy ban nhân dân huyện X**, kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm xảy ra vụ án là 66.850.000 đồng

*** Vật chứng vụ án:**

- 19 (mười chín) vòng ximen là loại vàng 18K, khối lượng vàng 16.3 chỉ.
- 01 (một) lắc đeo chân là loại vàng 18K, khối lượng vàng 0.98 chỉ.
- 01 (một) nhẫn là loại vàng 24K, khối lượng vàng 01 chỉ.
- 01 (một) nhẫn 750 (bạch kim), khối lượng 3.14 gram.
- 01 (một) túi xách màu đen, kích thước (20 x 10 x 05)cm .

*** Trách nhiệm dân sự:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả lại tài sản cho chị T1. Nhận lại tài sản chị T1 không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 117/CT-VKSXL ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố bị cáo Võ Thị Bé H tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị:

Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 173; Điểm h, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị B Hiền từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được ở nhà chăm sóc con nhỏ và cha ruột bị bệnh ung thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an huyện X, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 06 giờ ngày 24/12/2022, Võ Thị Bé H đã có hành vi trộm cắp 01 túi xách, 19 vòng ximen là loại vàng 18K, khối lượng vàng 16.3 chỉ; 01 lắc đeo chân là loại vàng 18K, khối lượng vàng 0.98 chỉ; 01 nhẫn là loại vàng 24K, khối lượng vàng 01 chỉ; 01 nhẫn 750, khối lượng 3.14 gram của chị Nguyễn Thị Duy T1 với tổng giá trị tài sản là 66.850.000 đồng. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 173 BLHS.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo tự thú. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền

án tiền sự, bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức còn hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang phải chăm sóc hai con nhỏ và cha mẹ già. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, vai trò phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội do nhận thức chưa đầy đủ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương nơi cư trú. Xét bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự quản lý, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú là đủ nghiêm, thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội đã biết ăn năn, hối cải.

[6] Đối với anh **Nguyễn Ngọc S** khi được **H** nhờ giữ hộ túi có đựng tài sản do **H** trộm cắp, anh **S** không biết là tài sản do **H** trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không xử lý là phù hợp.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị **Võ Thị Bé H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Bé H 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04** (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Võ Thị Bé H** cho Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **T**, tỉnh **Đồng Tháp** quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Võ Thị Bé H** phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- UBND xã nơi bc cư trú;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ